

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 26-12-2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;

2. Ông Giàng A Dì.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Giàng Thị P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lương Thị Ngọc P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

2. Bị đơn: Sùng A C, sinh năm 1991.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: 12/QĐ-TA ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trám Tấu, tỉnh Yên Bái, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; địa chỉ: Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Thị B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

3. *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Giàng Thị P trình bày như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của người Mông, từ năm 2009; không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống vợ chồng ở tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, nên vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Năm 2021 anh Sùng A C bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện nay anh C đang chấp Quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái.

Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sùng A C.

- Con chung: Tại biên bản hoà giải ngày 09-12-2022 chị Giàng Thị P và anh Sùng A C thống nhất giữa hai người có 01 con chung là Sùng Đại V, sinh ngày 14-3-2019; chị P và anh C thoả thuận giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Sùng Đại S. Anh Sùng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại phiên toà chị P đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của chị và anh C về con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C thống nhất tự thoả thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hoà giải anh Sùng A C trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị P về chung sống với nhau từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Anh và chị P chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì sinh mâu thuẫn, đến năm 2021 anh bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị P xin ly hôn anh không nhất trí. Tuy nhiên, nếu chị P cương quyết xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý.

- Con chung: Tại biên bản hoà giải và theo đơn xin xét xử vắng mặt anh C nhất trí giao cho chị P nuôi dưỡng 01 con chung là Sùng Đại V.

- Tài sản chung và nợ chung: Anh Sùng A C và chị Giàng Thị P thống

nhất tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C chung sống như vợ chồng từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Con chung: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ đã làm rõ, chị Giàng Thị P và anh Sùng A C có 01 người con chung là cháu Sùng Đại V, sinh ngày 14/3/2019. Khi Ly hôn, chị Giàng Thị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Đại V và không đề nghị anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét trên hoàn cảnh thực tế, chị P tại địa phương là người có nhân thân tốt, cháu V còn rất nhỏ, chỉ hơn 3 tuổi rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Bên cạnh đó, anh C là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy, có hành vi vi phạm pháp luật và đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, không có mặt tại địa phương, không làm tròn trách nhiệm nghĩa vụ của người bố. Bản thân anh C cũng có nguyện vọng để chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho trẻ, phù hợp với thực tế, phù hợp với đạo đức xã hội và tình cảm thiêng liêng giữa mẹ và con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, phù hợp với nguyện vọng của các bên, đề nghị HĐXX giao cháu Sùng Đại V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Từ những lý lẽ và căn cứ nêu trên, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn và đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị P, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A C.

- Con chung: Giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sùng Đại V; anh Sùng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi chị P có yêu cầu đề nghị thay đổi khác.

- Về án phí: Đề nghị theo quy định của pháp luật

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Sùng A C và chị Giàng Thị P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của người Mông, nhưng không đăng lý kết hôn. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn.

Tại điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” . Trong quá trình lấy lời khai, tham gia hòa giải chị P xác định không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn, về phía anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị P, tuy nhiên qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị trong quá trình chung sống là rất trầm trọng, không thể hàn gắn, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Giàng Thị P thì anh C có nguyện vọng để con cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên tôi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 14,15,16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng A C và chị Giàng Thị P.

- Con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 09/12/2022, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu về việc muốn được trực tiếp nuôi con chung là cháu Sùng Đại V, về phía anh C có nguyện vọng nếu phải ly hôn thì sẽ để chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Sùng Đại V, sinh ngày 14/3/2019; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu V từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu luôn nhận được sự yêu thương từ chị P, anh C cũng xác nhận các nội dung này là đúng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tâm sinh lý của cháu, nên việc giao cháu Sùng Đại V cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nguyện vọng về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn của anh Sùng A C và chị Giàng Thị P.

- Tài sản chung: Anh Sùng A C và chị Giàng Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu quan điểm:

Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tổ tụng.

- Điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A C.

- Con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A C, giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là

Sùng Đại V, sinh ngày 14-3-2019. Anh Sùng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C tự thỏa thuận chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc chị Giàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Chị Giàng Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt anh Sùng A C, đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt bị đơn là anh Sùng A C.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn; việc chung sống được thể hiện tại xác định thông tin về cư trú, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và lời khai của hai người. Quá trình chung sống chị P và anh C phát sinh mâu thuẫn, chị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh C, anh C nhất trí. Do chị P và anh C không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A C.

[3] Con chung: Thỏa thuận của chị Giàng Thị P và anh Sùng A C về con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần được công nhận. Cụ thể: Giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Sùng Đại V, sinh ngày 14-3-2019. Anh Sùng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Sùng A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị Giàng Thị P và anh Sùng A C chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị Giàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 262; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A C.

2. Con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Giàng Thị P và anh Sùng A C như sau: Giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Sùng Đại V, sinh ngày 14-3-2019. Anh Sùng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Sùng A C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Giàng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2022/0000626, ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trạm Tấu; chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Sùng A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân